

Bản án số: **54/2018/HNGĐ - ST**

Ngày: 21/11/2018

V/v: “Chia tài sản của vợ chồng sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng

2. Bà Lê Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2018/TLST - HNGĐ, ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc “*Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 45 ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Bà Phạm Thị L**, sinh năm 1953. Có mặt

Trú tại: Tổ 03, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

* Bị đơn: **Ông Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1940. Vắng mặt.

Trú tại: Số nhà 36, tổ 27a, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lương Viết T, sinh năm 1940; Vắng mặt.

2. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1956; Vắng mặt

Cùng trú tại: Tổ 03, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân, bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Mạnh H tạo dựng được tài sản chung là một ngôi nhà cấp 4, xây trên diện tích đất 41,7m², tại tổ 03, phường N, thành phố Y. Nguồn gốc nhà đất do nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Lương Viết T và bà Phan Thị H1, cùng trú tại tổ 03, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. .

Năm 2012, bà L và ông H ly hôn, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 59 ngày 18/4/2012 của Tòa án nhân dân

thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, bà L và ông H thuận tình ly hôn. Về phần tài sản chung, bà L và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, ngày 31/5/2012, bà L và ông H tự thống nhất, thỏa thuận phân chia tài sản chung là nhà, đất nêu trên. Hai bên thống nhất tổng giá trị tài sản chung (nhà, đất) là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng chẵn). Ông H nhận 50.000.000 đồng, còn bà L được toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà. Việc phân chia tài sản giữa các bên, được lập thành văn bản, gồm Giấy bàn giao nhà và Biên bản giao tiền nhà, các văn bản này đều là giấy viết tay, có ký nhận của các bên, nhưng không qua T tục công chứng, chứng thực tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ông H đã nhận đủ tiền, sau đó kết hôn với người khác và chuyển đến sinh sống tại tổ 27a, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Bà L sống tại căn nhà đó cho đến năm 2017, thì làm T tục xin được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên bà, nhưng bị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối, với lý do văn bản phân chia tài sản chung giữa bà và ông H không qua T tục công chứng, chứng thực. Bà L yêu cầu ông H cùng ra Văn phòng công chứng để làm T tục công chứng văn bản thỏa thuận chia tài sản, nhưng ông H không hợp tác. Do đó, bà khởi kiện ra Tòa yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, cụ thể chia nhà, đất giữa bà và ông H theo thỏa thuận ngày 31/5/2012, theo đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ tổ 03, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Số tiền chênh lệch trị giá của nhà đất là 50.000.000 đồng, bà đã thanh toán đủ cho ông H, đề nghị Tòa án không buộc bà phải thanh toán cho ông H thêm khoản tiền nào khác.

* Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Mạnh H vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Viết T, bà Phan Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai trong hồ sơ. Ông T, bà H1 đều xác nhận nguồn gốc nhà, đất do bà L đang quản lý, sử dụng là do ông bà tôn tạo, sau đó chuyển nhượng lại cho bà L, ông H từ năm 2006. Từ đó, đến thời điểm hiện tại, bà L vẫn sinh sống tại căn nhà này và không có tranh chấp với ai. Ông bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ *Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.*

+ *Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia tài sản chung giữa bà L và ông H theo văn bản thỏa thuận ngày 31/5/2012 của các đương sự, cụ thể bà L được toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại tổ 03, phường N, thành phố Y, và không phải thanh toán cho ông H thêm khoản tiền nào khác.*

+ Về án phí: Bà Phạm Thị L là người cao tuổi, có đơn xin được miễn tiền án phí, đề nghị HĐXX chấp nhận. Ông Nguyễn Mạnh H là người cao tuổi, nhưng quá trình giải quyết vụ án không hợp tác, không có đơn xin miễn án phí, nên phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2018, bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 BLTTDS Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Chia tài sản sau khi ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H có hộ khẩu thường trú tại tổ 27a, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Mạnh H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Viết T và bà Phan Thị H1 vắng mặt. *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.*

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập, có đủ căn cứ xác định, năm 2012 bà L và ông H ly hôn tại Tòa án thành phố Yên Bái, trong quyết định công nhận thuận tình ly hôn, chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân, về tài sản, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngày 31/5/2012, bà L và ông H tự lập văn bản, thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng là nhà, đất như sau: Các bên tự nguyện thống nhất, thỏa thuận trị giá tài sản là 100.000.000đồng, ông H nhất trí nhận 50.000.000đồng, còn bà L được quyền sở hữu nhà và đất.

Việc phân chia nhà, đất giữa bà L và ông H được thể hiện tại các văn bản, giấy viết tay là “Giấy bàn giao nhà” và “Biên bản bàn giao tiền nhà lập ngày 31/5/2012. Từ đó đến thời điểm bà L khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chia tài sản, các bên không có tranh chấp gì.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, cụ thể bà yêu cầu được nhận nhà đất, và không phải thanh toán thêm cho ông H khoản tiền nào khác. Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm, ông H được Tòa án được triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H đều từ chối nhận văn bản của Tòa án và vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa

án, coi như từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Ông H cũng không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Do đó, Tòa án xác định giữa bà L và ông H không có tranh chấp về thỏa thuận chia tài sản ngày 31/5/2012.

Mặt khác, về nguồn gốc nhà, đất bà Phạm Thị L đang quản lý, sử dụng, do nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lương Viết T và bà Phan Thị H1, mặc dù khi chuyển nhượng, các bên chỉ làm giấy tờ viết tay, chưa qua T tục công chứng, chứng thực, nhưng ông T và bà H1 đều nhất trí, xác nhận bà L là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản. Bà L, ông T, bà H1 hiện đang là hàng xóm, sinh sống cạnh nhau, không có tranh chấp gì.

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX thấy yêu cầu của bà Phạm Thị L là có căn cứ, nên được chấp nhận. Do đó, HĐXX phân chia tài sản chung của bà L và ông H như sau:

Tổng giá trị tài sản chung (là nhà và đất) của bà L và ông H là 100.000.000đồng. Bà L được quyền sở hữu, sử dụng nhà và đất, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán cho ông H số tiền chênh lệch trị giá tài sản là 50.000.000đồng.

[3] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn, mỗi bên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tương ứng với phần tài sản được chia ($5\% \times 50.000.000\text{đồng}$) = 2.500.000đồng. Bà Phạm Thị L là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên được miễn nộp.

Ông Nguyễn Mạnh H là người cao tuổi, nhưng không có đơn xin miễn tiền án phí nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 59; 62 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Điều 213 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với ông Nguyễn Mạnh H về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Phân chia tài sản chung của bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Mạnh H, như sau:

Tổng giá trị tài sản chung (nhà và đất) là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng chẵn).

Bà Phạm Thị L được quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất là ngôi nhà cấp 4, xây gạch, lợp pro, tọa lạc trên thửa đất có diện tích 41,7m², tại thửa số 249; tờ bản đồ số 38BIVb; địa chỉ tại tổ 03, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Bà L có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm T tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của Luật đất đai.

Bà L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền chênh lệch trị giá tài sản là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Xác nhận bà L đã thanh toán đủ tiền cho ông H.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Mạnh H, ông Lương Viết T, và bà Phan Thị H1, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND p. N, thành phố Y;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy